

Bản án số: 74/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 07-9-2023.

“V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Thanh Chiều.

Ông Đặng Duy Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 51/2023/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1985. (Có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh Đoàn Văn K, sinh năm 1985. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện lập ngày 10-01-2023 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc Đ trình bày:

Chị Nguyễn Ngọc Đ và anh Đoàn Văn K có tổ chức tiệc cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 01-9-2009 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi cưới nhau thì vợ chồng sống tại ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Thời gian đầu khi mới sống chung với nhau thì vợ chồng sống rất vui vẻ, hạnh phúc, nhưng đến thời gian sau vợ chồng thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến cãi vã và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chủ yếu về vấn đề phát triển kinh tế gia đình. Vợ chồng đã cố hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không thay đổi được gì, nên chị Đ muốn kết thúc mối quan hệ hôn nhân này.

- Về con chung: Quá trình sống chung chị Đ và anh K có 01 người con chung là cháu Đoàn Nguyễn M, sinh ngày 11-3-2010. Hiện tại, cháu M đang sống chung với chị Đ.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Không có.

Nay chị Nguyễn Ngọc Đ yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc Đ yêu cầu được ly hôn với anh Đoàn Văn K.

- Về con chung: Chị Nguyễn Ngọc Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đoàn Nguyễn M, sinh ngày 11-3-2010 đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Đ không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con

- Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- **Bị đơn anh Đoàn Văn K trình bày:** Anh có nhận được thông báo thụ lý vụ án kèm theo các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. Anh thống nhất với yêu cầu của chị Đ về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung nợ chung. Nay chị Đ yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý, về con chung anh đồng ý giao cho chị Đ nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc Đ được ly hôn với anh Đoàn Văn K. Về con chung: Đề nghị giao cháu Đoàn Nguyễn M cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận ý kiến tự nguyện của chị Đ không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc Đ. Tuy nhiên, chị Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Ngọc Đ.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Ngọc Đ và anh Đoàn Văn K tự nguyện kết hôn với nhau, tại thời điểm đăng ký kết hôn chị Đ và anh K đã đủ điều kiện kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01-9-2009, do vậy hôn nhân của anh, chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đầm ấm hạnh phúc và đã có con chung với nhau, tuy nhiên thời gian chung sống không bao lâu thì vợ chồng chị Đ và anh K thường xuyên phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc chị Đ yêu cầu ly hôn với anh K.

Hội đồng xét xử thấy rằng, chị Nguyễn Ngọc Đ và anh Đoàn Văn K hiện nay đã sống ly thân gần 8 năm, mỗi người đều có cuộc sống riêng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn giữa anh, chị không thể khắc phục, cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa anh K cũng đồng ý ly hôn với chị Đ. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cho chị Nguyễn Ngọc Đ được ly hôn với anh Đoàn Văn K để tạo điều kiện cho mỗi người tạo dựng cuộc sống mới.

[3]. Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Đ và anh K có 01 (một) con chung là cháu Đoàn Nguyễn M, sinh ngày 11-3-2010, hiện nay cháu M đang sống chung với chị Đ. Tại biên bản ghi nhận ý kiến của con chưa thành niên ngày 21-8-2023 cháu M có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Đồng thời, tại phiên tòa anh K cũng đồng ý giao con chung cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu Đoàn Nguyễn M cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho anh K không ai được quyền ngăn cản anh K thực hiện hợp pháp quyền này.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Ngọc Đ không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5]. Về nợ chung: Không có, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Ngọc Đ phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Đoàn Văn K không phải chịu án phí.

[7]. Đề nghị của Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong vụ án và đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc Đ được ly hôn với anh Đoàn Văn K.

2/ Về con chung: Giao cháu Đoàn Nguyễn M, sinh ngày 11-3-2010 cho chị Nguyễn Ngọc Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Đoàn Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Đoàn Văn K không ai được quyền ngăn cản anh K thực hiện hợp pháp quyền này.

3/ Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/ Về nợ chung: Không có, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Ngọc Đ phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005376 ngày 10-4-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, chị Đ đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

6/ Anh Đoàn Văn K được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- Phòng NVKT-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã Mỹ Tú, huyện Mỹ Tú;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Anh Tuấn

